

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 238 /2022/DS-PT

Ngày 09 – 09 - 2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Trung.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Vân.

Ông Võ Ngọc Giàu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Hương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2022/TLPT-DS ngày 04/7/2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 50/2022/DS-ST ngày 26/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện CB, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 170/2022/QĐ-PT ngày 06/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: ấp HP 2, xã Hậu MB A, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: 1/ Bà Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1977 (có mặt).

2/ Ông Phạm Văn U, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp HP 1, xã Hậu MB A, huyện CB, Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền bị đơn ông Phạm Văn U: Ông Trần Văn T, sinh năm 1965 (vắng mặt) (Văn bản ủy quyền ngày 07/4/2022)

Địa chỉ: ấp HT, xã HT, huyện CB, Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Ngọc D và ông Phạm Văn U.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Bà H là hội viên vào năm 2016 có tham gia 02 dây hội do vợ chồng bà Nguyễn Ngọc D và ông Phạm Văn U làm đầu thảo cụ thể:

Dây thứ 01: Hội 10.000.000 đồng khai ngày 26/01/2016 âm lịch, hội mùa mỗi năm khai 03 lần theo vụ lúa, gồm 16 hội viên, bà H tham gia 01 phần đóng hội sống được 10 lần thì ngưng do vợ chồng D và U không tổ chức khai tiếp và đồng ý hoàn trả số tiền hội chết 100.000.000 đồng.

Dây thứ 02: Hội 5.000.000 đồng khai ngày 26/01/2016 âm lịch, hội mùa mỗi năm khai 04 lần, gồm 17 hội viên, bà H tham gia 01 phần đóng hội sống được 14 lần thì ngưng do vợ chồng D và U không tổ chức khai tiếp và đồng ý hoàn trả số tiền hội chết 70.000.000 đồng.

Tổng cộng, 02 dây hội vợ chồng bà D và ông U nợ 170.000.000 đồng trừ 3.000.000 đồng H hồng đầu thảo, còn nợ lại 167.000.000 đồng, vợ chồng bà D và ông U hứa trả nhưng không thực hiện, nên bà H có đơn thưa ra Ban lãnh đạo áp đề giải quyết, vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 23/11/2021 Ban lãnh đạo ấp HP 1, xã Hậu MB A lập biên bản hòa giải có mặt bà D lúc hòa giải thì bà D cũng thống nhất với số nợ hội của bà H nhưng xin được trả vốn mà bà H đã đóng trong 02 dây hội, nhưng khi nào bà D bán đất được sẽ trả 01 lần, nếu chưa bán đất được thì 03 tháng trả 5.000.000 đồng, hai bên đã thống nhất việc trả nợ. Nhưng sau khi vợ chồng bà D và ông U bán đất cho người khác mà không trả tiền cho bà H.

Nay bà H yêu cầu bà Nguyễn Ngọc D và ông Phạm Văn U có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hội 167.000.000 đồng, trả 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn bà Nguyễn Ngọc D trình bày:

Bà D với bà H có góp hội nhưng không ký hợp đồng bằng văn bản, chỉ giao ước miệng, do bà D làm đầu thảo có nhiều dây hội, việc góp hội hoàn toàn không liên quan gì đến chồng bà là ông Phạm Văn U, ông U không biết gì về việc tiền góp hội hay nhận tiền từ bà H. Về tiền hội giữa bà D với bà H đã tính toán trừ căn xong, hội đã kết thúc không ai còn nợ ai, bà H kiện tiền hội phải cung cấp chứng cứ làm cơ sở bà D có nợ bao nhiêu tiền có chữ ký của bà D, đối với nội dung trong biên bản hòa giải do Ban lãnh đạo ấp HP 1, xã Hậu MB A biên bản không ghi bà D nợ bà H số tiền bao nhiêu mà ban hòa giải buộc bà D phải trả mỗi tháng 5.000.000 đồng ép bà D ký tên là không tự nguyện.

Do đó, bà D không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu bà D cùng với ông U liên đới trả số nợ hội 167.000.000 đồng.

* Bị đơn ông Phạm Văn U trình bày:

Ông U khẳng định không có ký tên giao kết hợp đồng bằng văn bản hay hợp đồng miệng góp hội với bà H, ông U không có nhận tiền gì từ bà H giao, không ký nhận giấy nợ tiền vay mượn hay tiền hội với bà H. Vợ ông là bà Nguyễn Ngọc D có góp hội với bà H thì ông U không biết, ông U có nghe bà D

vợ ông nói lại đã tính toán trừ tiền hui xong không còn thiếu tiền hui của bà H. Về nội dung hòa giải tại ấp HP 1, xã Hậu MB A ông U không dự nên không biết.

Do đó, ông U không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu bà D cùng với ông U liên đới trả số nợ hui 167.000.000 đồng. Yêu cầu Tòa án xem xét việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo yêu cầu của bà H không đúng quy định, nên đề nghị hủy quyết định này.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2022/DS-ST ngày 26/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện CB, tỉnh Tiền Giang, đã căn cứ vào Điều 471, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 18, 22 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ quy định về họ, hui, biểu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

Buộc ông Phạm Văn U và bà Nguyễn Ngọc D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị H số tiền hui 167.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 19/2021/QĐ-BPKCTT ngày 17/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện CB.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Ngọc D và ông Phạm Văn U liên đới chịu 8.350.000 đồng (Tám triệu ba trăm năm chục ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Lê Thị H số tiền 4.250.000 đồng (Bốn triệu hai trăm năm chục ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001024 ngày 09/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 10/5/2022, bị đơn bà Nguyễn Ngọc D và ông Phạm Văn U có đơn kháng cáo yêu cầu: sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày:

- Bị đơn bà Nguyễn Ngọc D thay đổi yêu cầu kháng cáo: đồng ý trả tiền hui sống mà bà Lê Thị H đã đóng của dây hui thứ nhất là 35.000.000 đồng và dây hui thứ hai là 30.000.000 đồng, tổng cộng 65.000.000 đồng và xin được trả dần do hoàn cảnh kinh tế khó khăn bị các hui viên khác giật hui.

- Nguyên đơn bà Lê Thị H không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Ngọc D. Bà H đồng ý cho bà D trả tiền hối của cả 02 dây hối là 100.000.000 đồng, không đồng ý cho trả dần.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H yêu cầu bà D và ông U trả tiền vốn hối sống bà H đã đóng của cả hai dây hối tổng cộng là 100.000.000 đồng, không đồng ý cho bà D trả dần. Bà D chỉ thừa nhận còn nợ bà H tiền hối sống bà H đã đóng tổng cộng của cả hai dây hối là 65.000.000 đồng và xin trả dần; nhưng bà D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh. Bị đơn ông Phạm Văn U kháng cáo nhưng đại diện theo ủy quyền của ông U là ông Trần Văn T vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà D, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông U, sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Bị đơn ông Phạm Văn U kháng cáo, ủy quyền cho ông Trần Văn T tham gia tố tụng tại Tòa án. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T vắng mặt không lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nên ông U bị coi như từ bỏ việc kháng cáo. Căn cứ các Điều 289, 295, khoản 3 Điều 296, khoản 5 Điều 308, Điều 312 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông T và ông U; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn U.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Ngọc D; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lê Thị H yêu cầu buộc bà Nguyễn Ngọc D và ông Phạm Văn U liên đới trả cho bà tiền hối sống đã đóng của cả hai dây hối tổng cộng là 100.000.000 đồng, không đồng ý cho bà D và ông U trả dần. Bà Nguyễn Ngọc D thừa nhận bà H có tham gia 02 dây hối do bà làm chủ hối; bà H đã đóng hối sống của dây hối thứ nhất là 35.000.000 đồng và tiền hối sống của dây hối thứ hai là 30.000.000 đồng, tổng cộng cả hai dây hối là 65.000.000 đồng. Bà D đồng ý trả cho bà H tiền hối sống của cả hai dây hối là 65.000.000 đồng và xin được trả dần do hoàn cảnh khó khăn, bị các hối viên khác giật hối. Tuy nhiên, bà D không cung cấp được

tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh bà H đóng hui sống cả hai dây hui là 65.000.000 đồng; bà H không thừa nhận.

Do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà D; ghi nhận bà H đồng ý cho bà D và ông U trả tiền hui sống đã đóng tổng cộng 100.000.000 đồng.

Xét thấy: Ông U và bà D hiện tại là vợ chồng hợp pháp, chưa ly hôn, số nợ hui phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Việc bà D tổ chức chơi hui là nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân gia đình quy định “*vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình*”; khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình quy định vợ chồng có nghĩa vụ chung “do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu gia đình”, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông U cùng có nghĩa vụ liên đới với bà D trả số nợ cho bà H là có căn cứ và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc D là có cơ sở 01 phần để chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm, buộc bà D và ông U liên đới trả cho bà H tiền hui 100.000.000 đồng.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà D và ông U phải chịu 5.000.000 đồng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc D được chấp nhận 01 phần, sửa bản án sơ thẩm nên bà Nguyễn Ngọc D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Sung vào công quỹ Nhà nước tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà ông Phạm Văn U đã nộp.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 289, 295, khoản 3 Điều 296, khoản 5 Điều 308, Điều 312 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 471, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 18, 22 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ quy định về họ, hui, biêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc D.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn U.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2022/DS-ST ngày 26/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

Buộc ông Phạm Văn U và bà Nguyễn Ngọc D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị H số tiền hụi 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 19/2021/QĐ-BPKCTT ngày 17/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện CB.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Ngọc D và ông Phạm Văn U liên đới chịu 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Lê Thị H số tiền 4.250.000 đồng (Bốn triệu hai trăm năm chục ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001024 ngày 09/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CB.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Ngọc D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho bà D số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0009751 ngày 12/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CB.

Sung công quỹ nhà nước số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông U đã nộp theo biên lai thu số 0009748 ngày 12/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CB.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện CB;
- CCTHADS huyện CB;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

DSPT-2022-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Trung